

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: 19 /2016/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 2643/TTr-SXD ngày 19/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

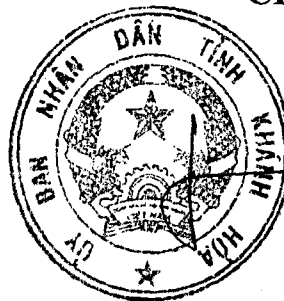
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 42/2011/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định Quản lý một số lĩnh vực hoạt động thoát nước đô thị và khu công nghiệp địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng; **BỘ TNMT;**
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND, TT, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo Khánh Hòa;
- Đài PTTH Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HgP, CN, VC, BN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



A handwritten signature in black ink, consisting of a series of loops and a long horizontal stroke extending to the right.

Lê Đức Vinh

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19./2016-QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu (cụm) công nghiệp, khu du lịch, khu kinh tế, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện, bao gồm: Đầu tư phát triển thoát nước; quản lý và vận hành hệ thống thoát nước; đầu nối thoát nước; dịch vụ thoát nước; phân cấp, trách nhiệm quản lý của các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Thành phần hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (sau đây gọi tắt là hệ thống thoát nước) bao gồm:

a) Mạng lưới thoát nước cấp 1: Hệ thống cống bao, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh, mương, sông ngòi chính hoặc qua trạm xử lý nước thải; có khả năng tiêu thoát nước cho khu vực hoặc vùng.

b) Mạng lưới thoát nước cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa đến mạng lưới thoát nước cấp 1.

c) Mạng lưới thoát nước cấp 3: Bao gồm các cống dọc các đường phố tại các tiểu khu, các cống dọc các hẻm, các cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt

đường dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt tới mạng lưới cấp 1 và cấp 2.

d) Hộp đấu nối dùng để đấu nối nước thải từ các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

đ) Điểm đấu nối là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

e) Các kết cấu như ga thăm, các cửa thu nước lề đường, các cửa tràn tách nước, công ngăn triều, v.v... đều thuộc mạng lưới thoát nước.

g) Các trạm bơm nước thải, nước mưa và các cống liên quan đến trạm bơm.

h) Các hồ điều hòa và các kênh mương.

i) Các cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận.

k) Các nhà máy xử lý nước thải tập trung và phi tập trung.

l) Các công trình xử lý bùn.

2. Hệ thống thoát nước được chia thành các loại sau đây:

a) Hệ thống thoát nước chung là hệ thống trong đó nước thải, nước mưa được thu gom trong cùng một hệ thống.

b) Hệ thống thoát nước riêng là hệ thống thoát nước thải và nước mưa riêng biệt.

c) Hệ thống thoát nước nửa riêng là hệ thống thoát nước chung có tuyến cống bao để tách nước thải đưa về nhà máy xử lý.

3. Lựa chọn loại hệ thống thoát nước:

a) Đối với các khu quy hoạch và xây dựng mới, khu công nghiệp và khu kinh tế bắt buộc đầu tư hệ thống thoát nước riêng.

b) Đối với các khu vực cũ đã được đầu tư hệ thống thoát nước chung nhưng chưa hoàn chỉnh, khi tiến hành nâng cấp thì ưu tiên lựa chọn hệ thống thoát nước nửa riêng.

c) Đối với các khu vực còn lại thì tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi địa phương tổ chức lựa chọn loại hệ thống thoát nước phù hợp.

Điều 3. Nguyên tắc chung quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải (sau đây gọi tắt là hoạt động thoát nước)

1. Hệ thống thoát nước phải được thiết kế và xây dựng đồng bộ. Trong trường hợp hạn hẹp về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư theo lưu vực ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, bao gồm cả các công trình xử lý bùn cặn. Ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Hệ thống thoát nước sau khi xây dựng xong phải được giao cho đơn vị chuyên nghiệp để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo các hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của UBND tỉnh. Trường hợp chủ sở hữu hoặc đại diện của chủ sở hữu tự tổ chức thực hiện phải có bộ máy chuyên môn đủ năng lực, kinh nghiệm để vận hành hệ thống thoát nước và được sự đồng ý của UBND tỉnh.

3. Người sử dụng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải phải trả tiền dịch vụ; nguồn thu từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải đáp ứng từng bước và tiến tới bù đắp hoàn toàn chi phí dịch vụ thoát nước.

4. Giá dịch vụ thoát nước do UBND tỉnh quy định có tính đến các yếu tố: Đối tượng; loại hình và mức độ ô nhiễm của nước thải xả vào hệ thống thoát nước; khả năng chi trả, hay điều kiện kinh tế xã hội của các hộ thoát nước.

5. Nước thải có tính chất nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Khuyến khích và huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đầu tư, quản lý, vận hành duy tu bảo dưỡng các hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 4. Nguyên tắc đầu tư phát triển hệ thống thoát nước

1. Tất cả các dự án, công trình thoát nước đều phải được thẩm định, xét duyệt trên cơ sở Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của tỉnh và các đồ án quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải kết hợp với các công trình hạ tầng khác để sử dụng chung theo quy định.

3. Đồ án quy hoạch, dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, thủy lợi, y tế...) phải bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống thoát nước tại khu vực.

4. Khi cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông có liên quan đến hệ thống thoát nước, chủ đầu tư phải có phương án đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã có trước, bảo đảm hệ thống thoát nước có trước thoát nước bình thường và có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng mới đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước có liên quan, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và sau khi cải tạo, xây dựng mới.

Điều 5. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. UBND tỉnh là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; hoặc nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới và các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác

công trình hệ thống thoát nước có thời hạn. UBND tỉnh ủy quyền cho các đơn vị là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước, như sau:

a) Ủy quyền cho UBND cấp huyện làm chủ sở hữu hệ thống thoát nước đô thị và cụm công nghiệp.

b) Ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong làm chủ sở hữu hệ thống thoát nước khu công nghiệp; Ủy quyền cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại làm chủ sở hữu hệ thống thoát nước đối với các cụm công nghiệp được UBND tỉnh giao nhiệm vụ khai thác, quản lý.

c) Ủy quyền cho UBND cấp xã làm chủ sở hữu hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung và làng nghề.

d) Ủy quyền cho các bệnh viện làm chủ sở hữu hệ thống thoát nước trong khuôn viên các bệnh viện.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao cho UBND tỉnh.

Điều 6. Chủ đầu tư công trình thoát nước

1. Đối với công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Trường hợp do UBND tỉnh quyết định đầu tư thì chủ đầu tư công trình thoát nước là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành và có sự tham gia của chủ sở hữu hệ thống thoát nước, quy định tại Điều 5.

b) Trường hợp do UBND cấp huyện quyết định đầu tư thì tùy theo tính chất, quy mô của dự án mà UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho một đơn vị do mình quản lý làm chủ đầu tư và có sự tham gia của UBND cấp xã. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách của cấp xã thì chủ đầu tư là UBND cấp xã.

c) Riêng đối với công trình thoát nước có liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định sao cho phù hợp với điều kiện cụ thể của mình.

d) Đối với công trình thoát nước sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư thì chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực do các doanh nghiệp này quyết định thành lập.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Công trình thoát nước do cộng đồng đóng góp, đại diện chủ đầu tư do cộng đồng quyết định.

4. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo hệ thống thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

Điều 8. Các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

1. Hiệu quả xử lý của công nghệ: Đảm bảo mức độ cần thiết làm sạch nước thải, có tính đến khả năng tự làm sạch của nguồn tiếp nhận. Ưu tiên lựa chọn mô hình xử lý nước thải phân tán, hoặc mô hình kết hợp giữa xử lý nước thải tập trung và phân tán, hạn chế tối đa các trạm bơm nước thải.

2. Tiết kiệm đất xây dựng.

3. Chi phí quản lý, vận hành, bảo dưỡng duy tu thấp nhất, phù hợp với năng lực trình độ quản lý, vận hành của địa phương.

4. Tránh phụ thuộc vào thiết bị, công nghệ nhập khẩu độc quyền.

5. Phù hợp với đặc điểm điều kiện khí hậu, địa hình, địa chất thủy văn của khu vực và khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận.

6. An toàn và thân thiện với môi trường.

7. Có khả năng mở rộng về công suất hay cải thiện hiệu quả xử lý trong tương lai.

8. Đảm bảo hoạt động ổn định khi có sự thay đổi bất thường về chất lượng nước đầu vào, thời tiết và biến đổi khí hậu.

9. Mức độ phát sinh và xử lý bùn cặn.

10. Tiết kiệm năng lượng, có khả năng tái sử dụng nước thải, bùn thải sau xử lý.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 9. Lựa chọn đơn vị thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

Điều 10. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước. Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo Phụ lục 01 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Hợp đồng khung quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là 03 năm và dài nhất là 05 năm. Trường hợp muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng, trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng ít nhất là 01 năm thì các bên tham gia hợp đồng phải tiến hành thương thảo việc kéo dài hợp đồng quản lý, vận hành và đi đến ký kết.

3. Tùy thuộc vào năng lực, một đơn vị thoát nước có thể ký nhiều hợp đồng quản lý vận hành duy tu bảo dưỡng hệ thống thoát nước với nhiều chủ sở hữu tài sản khác nhau.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị chuyên nghiệp để quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải.

b) Quyền giám sát và kiểm tra hệ thống thoát nước và các hạng mục của hệ thống này vào bất cứ thời điểm nào để đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng đã ký.

c) Không can thiệp vào các công việc liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và hoạt động tài chính của đơn vị thoát nước, bao gồm cả các vấn đề về quản lý nhân sự, phương pháp vận hành hệ thống và các vấn đề cụ thể khác mà không có sự thông báo trước bằng văn bản và không được sự chấp thuận của đơn vị thoát nước.

d) Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, không bán, cho thuê hoặc nhượng quyền quản lý các tài sản cố định đã giao cho đơn vị thoát nước quản lý vận hành khi chưa được sự đồng ý của đơn vị thoát nước.

đ) Trong các trường hợp vi phạm các nội dung đã quy định trong hợp đồng thì chủ sở hữu hệ thống thoát nước phải bồi thường tổn thất thiệt hại do việc vi phạm gây ra đối với đơn vị thoát nước.

2. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 (một) bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, các bản vẽ hoàn công các công trình đã được xây dựng (nếu có). Trong trường hợp không có các bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước, chủ sở hữu tài sản hoặc chủ sở hữu tài sản sẽ tiến hành khảo sát thống kê, xác định vị trí, kích thước cơ bản, đánh giá tình trạng vật chất, đánh giá giá trị còn lại của tài sản. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ chủ sở hữu hệ thống

thoát nước thực hiện nhiệm vụ khảo sát thống kê này nhằm lập bản đồ hệ thống thoát nước.

b) Phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đấu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước.

c) Đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo nội dung của hợp đồng.

d) Phê chuẩn đúng thời hạn các kế hoạch đầu tư do đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của hợp đồng quản lý, vận hành.

đ) Hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

- a) Được ngừng dịch vụ thoát nước theo quy định tại Điều 23 của Quy định này.
- b) Được bồi thường thiệt hại do hộ thoát nước gây ra theo quy định của pháp luật.
- c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch, lộ trình đấu nối và báo cáo chủ sở hữu hệ thống thoát nước để được sự chỉ đạo kịp thời.

b) Tuân thủ các quy trình, quy định về vận hành hệ thống thoát nước.

c) Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước.

d) Phối hợp với chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu lập chi phí dịch vụ thoát nước.

đ) Thiết lập cơ sở dữ liệu, quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý; phối hợp với đơn vị cấp nước hoặc trực tiếp tổ chức thu giá dịch vụ thoát nước theo quy định.

e) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

g) Cung cấp thông tin cho các đối tượng khi có yêu cầu.

h) Bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định.

i) Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước theo quy định.

k) Bồi thường khi gây thiệt hại cho hộ thoát nước theo quy định của pháp luật.

l) Các nghĩa vụ khác theo định của pháp luật.

3. Đơn vị thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Thông báo đến hộ thoát nước được biết, để thực hiện đấu nối ngay khi đầu tư xây dựng hoàn chỉnh tuyến thu gom nước thải.

b) Khảo sát, thiết kế, lập dự toán và thi công đấu nối (nếu hộ thoát nước yêu cầu).

c) Có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết.

d) Giám sát việc xây dựng các công trình thu gom của các hộ thoát nước theo hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký.

đ) Phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc đấu nối nước thải.

e) Hàng năm có kế hoạch thiết lập và xây dựng các điểm đấu nối mới để phục vụ cho nhu cầu đấu nối của các hộ thoát nước trong phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước.

g) Có trách nhiệm xây dựng, điều chỉnh mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước hoặc phụ lục hợp đồng dịch vụ thoát nước (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật. Khuyến khích các tổ chức cá nhân là chủ sở hữu, chủ quản lý, sử dụng các công trình có quy mô lớn, phức tạp thuê đơn vị thoát nước quản lý vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải cục bộ và bổ sung nội dung này vào phụ lục hợp đồng dịch vụ thoát nước (nếu có).

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ thoát nước.

1. Hộ thoát nước có các quyền sau:

a) Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật.

b) Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra.

c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước.

d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo quy định của pháp luật.

đ) Khếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị thoát nước hoặc các bên có liên quan.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Hộ thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn.

b) Xả nước vào hệ thống đúng quy định, quy chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

c) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước.

d) Đầu nối hệ thống thoát nước của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước thải; duy tu, bảo dưỡng công trình xử lý sơ bộ và đường ống thoát nước đến điểm đầu nối theo đúng quy định của hợp đồng dịch vụ thoát nước.

đ) Bồi thường khi gây ra thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hộ thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước, công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đầu nối và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công.

b) Thông báo thời điểm thi công đầu nối để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng bảo đảm đầu nối đúng quy định.

c) Tích cực tham gia và hưởng ứng chương trình tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước.

Chương IV

ĐẦU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 14. Đầu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước

1. Việc đầu nối hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước nhằm đảm bảo:

a) Nước thải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả ra môi trường.

b) Hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác.

2. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm: Mạng lưới thu gom tuyến cống cấp 3, cấp 2 và cấp 1.

3. Hộp đầu nối được xác định nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước. Hộp đầu nối nằm trên phần đất công, giáp với ranh giới của hộ thoát nước.

4. Tất cả các hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư đường cống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất của mình và đầu nối vào hộp đầu nối. Việc đầu tư xây dựng lắp đặt hệ thống thoát nước trong khuôn viên công trình, nhà ở của hộ thoát nước phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các yêu cầu trong thỏa thuận đầu nối và hợp đồng sử dụng dịch vụ thoát nước.

5. Trường hợp hệ thống thoát nước của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, bệnh viện đấu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hệ thống thoát nước và phải tuân theo các quy định trong hợp đồng sử dụng dịch vụ thoát nước.

Điều 15. Yêu cầu bắt buộc đấu nối vào hệ thống thoát nước

1. Tất cả các hệ thống thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường cống, đã được lắp đặt hộp đấu nối là đối tượng bắt buộc phải đấu nối vào hệ thống thoát nước, trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đấu nối tại Điều 19 của Quy định này.

2. Nước thải bắt buộc đấu nối vào hệ thống thoát nước bao gồm cả nước xám (nước thải từ quá trình rửa, tắm, giặt) và nước đen (nước thải từ bể phốt, nhà vệ sinh).

3. Tại các khu vực đã có dự án đầu tư hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải, thì các hệ thống thoát nước ở khu vực khi lập hồ sơ thiết kế và xin phép xây dựng (nhà hoặc công trình) phải thể hiện và xây dựng hộp đấu nối chờ sẵn để thực hiện đấu nối khi có tuyên công thu gom nước thải cấp 3 đi qua.

UBND cấp huyện (có hệ thống thu gom và xử lý nước thải) có trách nhiệm ban hành danh mục các tuyến đường sẽ đầu tư có hệ thống thu gom thải cấp 3 và thông số kỹ thuật hộp đấu nối, để hệ thống thoát nước có cơ sở thực hiện.

4. Các hệ thống thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường cống, đã được lắp đặt hộp đấu nối có hành vi không hợp tác, gây khó khăn cho việc thực hiện đấu nối thoát nước, được coi là hành vi vi phạm pháp luật và được xử lý theo các quy định vi phạm pháp luật hiện hành.

Điều 16. Thời điểm đấu nối

1. Tất cả các hệ thống thoát nước nằm trong phạm vi đã xây dựng hộp đấu nối và mạng cống cấp 3 phải thực hiện đấu nối ngay khi nhận được thông báo của đơn vị thoát nước.

2. Đối với các hệ thống thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình đã đấu nối vào hệ thống thoát nước trước khi quy định này có hiệu lực nhưng đấu nối chưa phù hợp quy định thì trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày quy định này có hiệu lực hệ thống thoát nước phải thực hiện điều chỉnh lại đấu nối đảm bảo phù hợp quy định này.

3. Đối với các hệ thống thoát nước thải khác (không phải nước thải sinh hoạt) thì bắt buộc điều chỉnh đấu nối đảm bảo phù hợp quy định này ngay khi nhận được thông báo của đơn vị thoát nước.

Điều 17. Quy định về xả nước thải tại điểm đấu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hệ thống thoát nước được phép xả nước thải vào hệ thống thoát nước tại điểm đấu nối, sau khi nước thải được xử lý sơ bộ trong các bể tự hoại.

2. Đối với các loại nước thải khác:

a) UBND cấp huyện chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thỏa thuận đầu tư thoát nước cho dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước trên cơ sở xem xét quy hoạch được duyệt phù hợp.

b) Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải sơ bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối.

c) Xả nước ngầm phục vụ thi công xây dựng công trình phải trả phí xử lý theo đơn giá do UBND tỉnh quy định.

Điều 18. Hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước

1. Hỗ trợ đầu nối nhằm thúc đẩy việc đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước; đảm bảo nước thải được thu gom triệt để, nhà máy xử lý nước thải hoạt động theo đúng công suất thiết kế; bảo đảm hiệu quả trong việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình có công với Cách mạng; gia đình nghèo có chứng nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; các hộ gia đình chấp hành và thực hiện đầu nối ngay khi được yêu cầu đầu nối.

3. Phương thức hỗ trợ:

a) Cho vay từ quỹ quay vòng vốn, hỗ trợ một phần hay toàn bộ chi phí lắp đặt từ hộp đầu nối đến vị trí đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất tư của hộ gia đình.

b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương, hoặc từ các dự án đầu tư.

c) Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, chủ sở hữu quyết định phương thức và mức hỗ trợ đầu nối cho các đối tượng cụ thể.

Điều 19. Miễn trừ đầu nối

Các trường hợp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống thoát nước bao gồm:

1. Các hộ thoát nước có các công trình xử lý nước thải tập trung, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xả ra nguồn tiếp nhận mà việc đầu nối vào hệ thống thoát nước có thể gây ra những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước và chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

2. Tại địa bàn chưa được đầu tư xây dựng hộp đầu nối, mạng lưới đường cống thoát nước.

Điều 20. Trình tự, thủ tục thực hiện đầu nối

a) Ủy quyền thực hiện việc quản lý đầu nối: UBND cấp huyện được ủy quyền thực hiện việc quản lý đầu nối trong địa giới hành chính do mình quản lý.

b) UBND cấp huyện (có hệ thống thu gom và xử lý nước thải) có trách nhiệm ban hành trình tự và thủ tục thực hiện đầu nối.

Chương V

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 21. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước

1. Nội dung tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) đảm bảo đầy đủ hai phần: Chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ; đồng thời phải đáp ứng yêu cầu về thời gian phục vụ (nh nhanh chóng, kịp thời), mức độ chính xác, mức độ an toàn, mức độ tiện lợi và tinh thần thái độ phục vụ (văn minh, lịch sự)...

2. Tùy từng điều kiện cụ thể của từng khu vực trên địa bàn tỉnh, đơn vị thoát nước xây dựng và ban hành tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước của đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất của chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu và Sở Xây dựng.

Điều 22. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

Hợp đồng dịch vụ thoát nước được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước. Mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 23. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đối với hộ thoát nước là hộ gia đình: Đơn vị thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ trường hợp được quy định cụ thể trong hợp đồng dịch vụ thoát nước. Việc các hộ thoát nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá dịch vụ thoát nước hoặc tự ý thay đổi, sửa chữa hệ thống thoát nước, vi phạm các quy định về thoát nước sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời, đơn vị cấp nước có nghĩa vụ ngừng cung cấp nước sạch theo yêu cầu của đơn vị thoát nước.

2. Đối với các hộ thoát nước còn lại:

a) Vi phạm các quy định về thoát nước mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường thì đơn vị thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Sau 15 ngày mà hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước ra thông báo lần 2, nếu sau 15 ngày tiếp theo mà hộ thoát nước vẫn không chấp hành thì đơn vị thoát nước được phép ngừng dịch vụ thoát nước theo thỏa thuận đã được quy định trong hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước; đồng thời, đơn vị cấp nước có nghĩa vụ ngừng cung cấp nước sạch theo yêu cầu của đơn vị thoát nước.

b) Vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường thì đơn vị thoát nước tiến hành lập biên bản và yêu cầu hộ thoát nước phải khắc phục ngay. Sau 10 ngày mà hộ thoát nước không chấp hành, đơn vị thoát nước có quyền ngừng dịch vụ thoát nước và yêu cầu đơn vị cấp nước ngừng cung cấp nước sạch; đồng thời, hộ thoát nước bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

3. Dịch vụ thoát nước và cung cấp nước sạch được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra và hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

4. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước; đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Điều 24. Chi phí dịch vụ thoát nước

1. Chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là chi phí dịch vụ thoát nước) là các chi phí sản xuất được tính đúng, tính đủ để thực hiện các nhiệm vụ: Quản lý vận hành, duy trì, bảo dưỡng hệ thống thoát nước; chi phí khấu hao xe, máy, thiết bị, nhà xưởng của đơn vị thoát nước; chi phí khấu hao tài sản các công trình hệ thống thoát nước, xử lý nước thải; các chi phí, thuế và phí khác của đơn vị thoát nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chi phí dịch vụ thoát nước là cơ sở để định giá dịch vụ thoát nước và là căn cứ để xác định giá trị hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa đơn vị thoát nước với chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

Điều 25. Giá dịch vụ thoát nước

1. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là giá dịch vụ thoát nước) là toàn bộ chi phí sản xuất được tính đúng tính đủ và mức lợi nhuận hợp lý cho một mét khối nước thải ($1m^3$) để thực hiện các nhiệm vụ thoát nước và xử lý nước thải.

2. Trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thực hiện theo quy định tại Điều 41 của Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải.

3. Việc định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.

Điều 26. Giá sử dụng dịch vụ thoát nước và nguyên tắc xác định

1. Giá sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là giá sử dụng dịch vụ thoát nước) là số tiền mà người sử dụng dịch vụ thoát nước phải trả cho đơn vị thoát nước cho mỗi mét khối nước thải xả vào hệ thống thoát nước.

2. Hộ thoát nước thuộc đối tượng bắt buộc đầu nối vào hệ thống thoát nước theo quy định tại Điều 15 của Quy định này, phải thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước; Riêng đối với hộ thoát nước không thuộc đối tượng bắt buộc đầu nối vào hệ thống thoát nước theo quy định tại Điều 19 của Quy định này thì có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giá sử dụng dịch vụ thoát nước do UBND tỉnh quyết định; việc xác định giá sử dụng dịch vụ thoát nước phải đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương và khả năng chi trả của hộ thoát nước.

4. Giá sử dụng dịch vụ thoát nước sẽ tăng theo lộ trình, đảm bảo doanh thu từ giá sử dụng dịch vụ thoát nước phải từng bước đáp ứng và tiến tới bù đắp hoàn toàn chi phí dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải.

5. Trong trường hợp giá sử dụng dịch vụ thoát nước do UBND tỉnh quyết định thấp hơn mức giá đã được tính đúng, tính đủ các chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải và mức lợi nhuận hợp lý thì UBND tỉnh cấp bù từ ngân sách địa phương để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Đơn vị thoát nước.

Điều 27. Xác định khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối để tính giá sử dụng dịch vụ thoát nước

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

a) Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước.

b) Trường hợp không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối được lấy bằng $4\text{m}^3/\text{người}/\text{tháng}$. Số người được xác định theo số nhân khẩu thực tế thường trú do UBND cấp xã xác nhận (đối với hộ gia đình); theo bảng lương hoặc hợp đồng lao động (đối với các hộ thoát nước không tổ chức sản xuất, chế biến).

c) Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng sinh hoạt thì khối lượng nước sạch sử dụng căn cứ vào quy mô hoạt động của kinh doanh, dịch vụ do cơ sở tự kê khai và thẩm định của UBND cấp xã.

2. Đối với các loại nước thải khác:

a) Trường hợp sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối được lấy bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo số đo trên hóa đơn tiền nước.

b) Trường hợp không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối được xác định thông qua đồng hồ. Hộ thoát nước có trách nhiệm lắp đặt đồng hồ và các thiết bị bảo vệ, phụ trợ khác hoặc thông qua Hợp đồng dịch vụ thoát nước giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước.

Chương VI

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC

Điều 28. Phân cấp quản lý, trách nhiệm quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Sở Xây dựng

a) Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động thoát nước tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

b) Chịu trách nhiệm trực tiếp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra đối với các hoạt động thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh (trừ các khu công nghiệp, khu kinh tế) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định.

đ) Chủ trì tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đối với các hoạt động sử dụng nước thải sau khi xử lý tại các đô thị, khu công nghiệp, làng nghề theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước.

e) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước.

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở có liên quan kiểm tra việc xây dựng, thực hiện quyết định giá dịch vụ thoát nước áp dụng cho các đối tượng có liên quan đến dịch vụ này tại địa phương.

h) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước đô thị theo quy định.

i) Hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn việc lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hàng năm tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, xây dựng các dự án công trình thoát nước và xử lý nước thải từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

3. Sở Tài chính

a) Tham gia ý kiến góp ý phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ ngân sách nhà nước, trình UBND tỉnh quyết định.

b) Cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức thẩm định giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng giá dịch vụ thoát nước của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, quản lý lưu vực sông, kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực thoát nước, xả nước thải ra môi trường trên phạm vi toàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành quản lý nước thải theo quy định của pháp luật.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện việc cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong

a) Tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu tài sản hệ thống thoát nước theo Điều 11 của Quy định này.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong khu công nghiệp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Tổ chức lập chi phí dịch vụ thoát nước khu công nghiệp được đầu tư từ ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải.

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước thải trong khu vực do mình quản lý theo quy định.

e) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu công nghiệp.

g) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu công nghiệp.

h) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước khu công nghiệp theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và UBND tỉnh.

7. Các sở, ngành liên quan

Các sở, cơ quan ngang sở trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Y tế và Ban Quản lý khu công nghiệp để thực hiện quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện.

8. UBND cấp huyện

a) UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước tại các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện.

b) Lập kế hoạch hàng năm và 05 năm về đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hộp đấu nối đến mạng lưới thoát nước cấp 3, cấp 2 và cấp 1.

c) Tổ chức lập chi phí dịch vụ thoát nước trình Sở Tài chính thẩm định.

d) Lựa chọn đơn vị thoát nước có đủ năng lực để thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình làm đại diện chủ sở hữu. Khuyến khích lựa chọn theo hình thức đấu thầu.

đ) Ký hợp đồng quản lý, vận hành với đơn vị thoát nước có đủ năng lực để thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình làm đại diện chủ sở hữu.

e) Tổ chức giám sát, nghiệm thu khối lượng và thanh toán tiền cho đơn vị thoát nước theo giá hợp đồng và khối lượng thực hiện.

g) Lưu trữ các hồ sơ, tài liệu về thoát nước đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề và khu dân cư tập trung trên địa bàn quản lý theo quy định; cung cấp, bàn giao một bộ hồ sơ, dữ liệu thoát nước thuộc thẩm quyền quản lý cho Sở Xây dựng quản lý sau khi nhận bàn giao từ các chủ sở hữu hoặc chủ đầu tư khác (bản vẽ và dữ liệu đã được số hóa); đối với các dự án trực tiếp làm chủ đầu tư thì hồ sơ, dữ liệu này phải cung cấp về Sở Xây dựng sau khi công trình được đưa vào sử dụng. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các dữ liệu cung cấp.

h) Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

9. UBND cấp xã

a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước tại các làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra các hoạt động thoát nước. Trong quá trình kiểm tra phát hiện những vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước phải báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

c) Thẩm định xác nhận khối lượng nước sạch sử dụng của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự kê khai trên địa bàn mình quản lý để làm cơ sở để tính giá dịch vụ thoát nước thải sinh hoạt.

d) Xác nhận số nhân khẩu thực tế thường trú đối với hộ gia đình không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung để tính giá dịch vụ thoát nước thải sinh hoạt.

đ) Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Điều khoản thi hành

Các nội dung khác liên quan đến hoạt động thoát nước chưa quy định trong quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.
2. Các sở, ban, ngành của tỉnh; các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ chức xã hội nghề nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn; Ban Quản lý khu công nghiệp; các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải thực hiện đúng quy định này và các quy định pháp luật hiện hành.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, đề xuất, trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh